

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 32/2021/HS-ST

Ngày 29/10/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Đình Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vinh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2021/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm P, sinh ngày 12/11/1997 tại Đắk Lắk; Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm N, sinh năm 1964 và con bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1970. Gia đình bị cáo có 05 anh, em, bị cáo là con thứ 01; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án; Ngày 19/3/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt 06 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 17/4/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 89/2015/QĐ – THHP buộc Phạm P phải chịu hình phạt chung là 07 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp tài sản”; Ngày 30/12/2020, Phạm P chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Ngày 31/10/2014 bị Tòa án TP. B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Không có án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/6/2021. Hiện đang tạm giam. Có mặt tại

phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu C, sinh ngày 28/8/2000, nơi sinh Đắc Lắc; Nơi cư trú: Thôn T 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn 7/12; Con ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1963 (Đã chết) và con bà Phan Thị Bích H, sinh năm 1971 (Đã chết), bị cáo là con 01 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/10/2016 Nguyễn Hữu C bị Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/6/2021. Hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Ngọc T, tên gọi khác không; Giới tính nam; Sinh ngày 13/3/1991; Nơi sinh: Tỉnh Đắc Lắc; Nơi cư trú: Thôn T 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Lê Ngọc V, sinh năm 1961 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Gia đình bị cáo có 02 anh, em, bị cáo là con thứ 02, bị cáo có vợ Trần Thị Như Y, sinh năm 1994 (Đã ly hôn năm 2018), bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/8/2015 Lê Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắc Lắc xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, bị cáo đã chấp hành xong và đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Hồ Văn T1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Quang T2, sinh năm 1986. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

- Người làm chứng: Anh Ngô Quang H, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn P 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 22/6/2021, sau khi cùng nhau uống rượu tại thôn 6A, xã H, huyện K, tỉnh Đắc Lắc, Phạm P điều khiển xe mô tô không nhớ biển số chở Nguyễn Hữu C về nhà bà Phan Thị C1 là mẹ nuôi của C ở tổ dân phố M, thị trấn P, huyện K, để ngủ. Khi đến nơi, P rủ C đi trộm cắp tài sản nhưng C không đồng ý. C đi vào nhà, P điều khiển xe về nhà ngủ thì C nhắn tin điện thoại cho P

đồng ý cùng P đi tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản, nên P đi bộ đến nhà mẹ nuôi của C để cùng đi trộm cắp tài sản. Khi đi ngang nhà anh Hồ Văn T1, sinh năm 1985, cư trú tại thôn 7, xã H, huyện K, thấy 01 xe mô tô biển số 47M1-065.38, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRUS dựng trong sân (Nhà anh T1 không có hàng rào và không có cổng). Thấy vậy, P đi đến dùng vạm phá khóa xe rồi điều khiển xe đến gặp C. Khi gặp C, P kể lại T2 bộ sự việc trộm cắp xe cho C biết. Sau đó, P và C đưa xe về nhà C ở thôn T3, xã E, huyện K, cất giấu. Ngày 23/6/2021, C điện thoại cho Lê Ngọc T và nói anh tìm người bán giúp em chiếc xe trộm cắp, nếu bán được em cho anh vài trăm ngàn uống cà phê thì T đồng ý. T điện thoại cho Ngô Quang H, sinh năm 1997, cư trú tại thôn P3, xã E, huyện K, nói với H là có chiếc xe mô tô không có giấy tờ nhờ H bán giúp. H là bạn của T và làm nghề mua bán xe cũ, T không nói cho H biết đây là xe trộm cắp. H trả lời để có ai mua thì sẽ giới thiệu, H nhớ trước đây Phan Quang T2, sinh năm 1986, cư trú tại thôn P2, xã E, huyện K, có nhờ H tìm mua cho T2 chiếc xe cũ không có giấy tờ giá rẻ để T2 đi rẫy nên H điện thoại cho T2 nói T có xe cần bán và cho T2 số điện thoại của T. Ngày 24/6/2021, T2 điện thoại cho T và hỏi xe có giấy tờ hay không thì T trả lời xe không có giấy tờ và T cũng không nói cho T2 biết đây là xe trộm cắp nên T2 trả giá 2.500.000 đồng. Sau đó, T đưa số điện thoại của T2 cho C và nói người này đồng ý mua xe để C thỏa thuận bán xe. Chiều ngày 24/6/2021, C điện thoại cho T2 thỏa thuận bán xe và giao xe tại khu vực cầu thôn P4, xã E, huyện K. T2 nhờ Phan Quang L, sinh năm 1996, cư trú tại thôn P2, xã E, huyện K (Là em trai của T2) chở đến điểm hẹn rồi L đi về. C và P mang xe đến giao cho T2 thì T2 hỏi C giấy tờ xe, C nói bị mất. T2 nói mua xe với giá 2.500.000 đồng thì C đồng ý. Bán xe xong, C điện thoại nói T đến chở C và P về. Về đến nơi, C chia cho P 1.000.000 đồng, C 1.000.000 đồng và T 500.000 đồng. Số tiền này C, P và T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 28/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Pắc, kết luận 01 xe mô tô biển số 47M1-065.38, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRUS, mua năm 2012, trị giá tại thời điểm bị xâm hại là 10.000.000 đồng (Bút lục số 59-60).

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Phạm P, Nguyễn Hữu C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm P, Nguyễn Hữu C và Lê Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với lời khai của các bị cáo đã khai

tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và khẳng định hành vi của các bị cáo Phạm P, Nguyễn Hữu C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Lê Ngọc T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm P từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C từ 07 đến 10 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả 01 xe mô tô biển số 47M1- 065.38 cho chủ sở hữu là anh Hồ Văn T1.

+ Đề nghị truy thu số tiền 2.500.000đ, bị cáo P 1.000.000đ, bị cáo C 1.000.000đ, bị cáo T 500.000đ là số tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp là xe mô tô biển số 47M1- 065.38 mà có.

+ Đề nghị tịch thu, bán sung công quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động Nokia, màn hình trắng đen, bàn phím số, màu xanh đen, có số Imei 359002099586557.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình lục giác, kích thước 6cm x 9cm, một đầu mài dẹp dài 07cm.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh, màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại (C không nhớ số thuê bao) của Nguyễn Hữu C dùng nhắn tin liên lạc với Phạm P để bàn bạc việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, do không có tiền tiêu sài C đã bán điện thoại trên và không nhớ bán cho ai, ở đâu, còn sim điện thoại thì C đã vứt đi và không nhớ vứt ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu hồng, màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại (P không nhớ số thuê bao) của Phạm P dùng nhắn tin liên lạc với Nguyễn Hữu C để bàn bạc việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định P đã bán chiếc điện thoại trên cho người qua đường ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Không rõ nhân thân lai lịch) còn sim điện thoại thì P đã vứt đi và không nhớ vứt ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với sim điện thoại (T không nhớ số thuê bao) của Lê Ngọc T. Quá trình điều tra xác định T sử dụng sim này để liên lạc với Nguyễn Hữu C, Ngô Quang H và Phan Quang T2 để trao đổi về việc mua bán tài sản trộm cắp là xe mô tô biển số 47M1- 065.38. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng T đã làm thất lạc mất sim. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Hồ Văn T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Quang T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng đã mua xe.

Đối với Phan Quang T2 khi mua xe mô tô của Nguyễn Hữu C thì T2 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của Phan Quang T2 không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Ngô Quang H khi giới thiệu cho Phan Quang T2 mua xe thì H không biết xe mô tô đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Quang H.

Đối với Phan Quang L là người chở Phan Quang T2 đến địa điểm mua xe nhưng L không biết việc thỏa thuận mua bán xe giữa Phan Quang T2 và Nguyễn Hữu C và đối với người tên P1 (Là bạn của C mới quen) chở C và P từ xã E, huyện K về thị trấn P, huyện K sau khi C và P đã thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Quang L và P1.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Người bị hại anh Hồ Văn T1 đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về phần dân sự: Anh T1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông

Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo vị thành niên không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 01 giờ, ngày 22/6/2021, Phạm P rủ đi trộm cắp tài sản thì Nguyễn Hữu C đồng ý. Lợi dụng sơ hở của anh Hồ Văn T1 trong việc quản lý tài sản, Phạm P đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển số 47M1- 065.38 rồi cùng Nguyễn Hữu C mang đi cất giấu tại nhà của C. Ngày 23/6/2021, C điện thoại cho Lê Ngọc T nhờ tìm người bán giúp xe và hứa hẹn cho T tiền. Đến chiều ngày 24/6/2021, nhờ sự giới thiệu của T nên C và P đã bán xe cho Lê Quang T2 với giá 2.500.000 đồng, C chia cho P 1.000.000 đồng, C 1.000.000 đồng và T 500.000 đồng. P, C trộm cắp tài sản có giá trị 10.000.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở pháp lý khẳng định hành vi của các bị cáo Phạm P, Nguyễn Hữu C phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Ngọc T biết rõ tài sản là chiếc xe mô tô biển số 47M1-065.38 do P và C trộm cắp mà có nhưng khi C điện thoại cho T và nói T tìm người bán giúp chiếc xe trộm cắp, nếu bán được C cho T vài trăm ngàn uống cà phê thì T đồng ý và sau khi bán xe C đã cho T 500.000đ. Hành vi của T đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là những công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, các bị cáo biết được rằng tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Xong do tham lam tư L cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra.

Trong vụ án này, có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện phạm tội và bị truy tố ở những tội danh khác nhau. Do đó Hội đồng xét xử cần phân tích đánh giá vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo để phân hóa và áp dụng mức hình phạt cho tương xứng đối với từng bị cáo.

[3.1] Đối với bị cáo Phạm P: Là người khởi xướng, rủ rê bị cáo C tham gia thực hiện hành vi trộm cắp, đồng thời bị cáo là người thực hiện tích cực, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp đột nhập vào nhà anh T1 trộm cắp xe mô tô, gây thiệt hại giá trị tài sản của anh T1 là 10.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, ngày 25/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm xử phạt 05 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”; Ngày 19/3/2015, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt 06 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Ngày 31/10/2014 bị Tòa án TP. B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 17/4/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 89/2015/QĐ – THHP tổng hợp hình phạt buộc Phạm P phải chịu hình phạt chung là 07 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp tài sản”. Ngày 30/12/2020, Phạm P chấp hành xong hình phạt tù nhưng tính đến ngày 22/6/2021, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội. Do vậy HĐXX áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo. Với hành vi phạm tội nêu trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Bị cáo có ông nội Phạm N là liệt sỹ, tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên HĐXX áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu C: Bị cáo tham gia với tư cách là đồng phạm, sau khi P rủ bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, ban đầu bị cáo không

đồng ý sau đó bị cáo nhấn tin đồng ý cùng thực hiện hành vi trộm cắp với P và hứa hẹn gắp tài sản nào trộm tài sản đó. Khi bị cáo P trộm cắp xe mô tô của anh T1, bị cáo C cùng P mang tài sản đã trộm cắp được đi cất giấu tại nhà của C và tìm người tiêu thụ chiếc xe. Khi bán được xe, bị cáo chia tiền cho P và T, số tiền 1.000.000 đồng còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, ngày 06/10/2016, bị cáo bị Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Trong quá trình sinh sống tại phương, bị cáo thường xuyên vắng mặt, chính quyền địa phương không quản lý và không xác định được bị cáo làm gì, ở đâu. Đồng thời, bị cáo đang thuộc diện quản lý của công an xã E. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục bị cáo và mức hình phạt HĐXX tuyên phạt đối với bị cáo nhẹ hơn so với Phạm P.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, HĐXX áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Lê Ngọc T: Bị cáo biết rõ chiếc xe mô tô biển số 47M1- 065.38 do P và C trộm cắp mà có, nhưng vì mục đích hám L, được C hứa sẽ cho tiền nếu T tìm được người mua xe nên bị cáo đồng ý. Bị cáo đã liên hệ và bán xe mô tô cho Ngô Quang H và được C chia cho 500.000 đồng để tiêu xài nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, ngày 28/8/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc”, bị cáo đã được xóa án tích.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con nhỏ, tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Xét thấy, bị cáo đã được UBND xã E xác nhận gia cảnh khó khăn, bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn, hiện đang nuôi hai con nhỏ nên cần miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[3.4] Đối với Phan Quang T2 khi mua xe mô tô của Nguyễn Hữu C thì T2 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của Phan Quang T2 không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3.5] Đối với Ngô Quang H khi giới thiệu cho Phan Quang T2 mua xe thì H không biết xe mô tô đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Quang H.

[3.6] Đối với Phan Quang L là người chở Phan Quang T2 đến địa điểm mua xe nhưng L không biết việc thỏa thuận mua bán xe giữa Phan Quang T2 và Nguyễn Hữu C và đối với người tên Phong (Là bạn của C mới quen) chở C và P từ xã E, huyện K về thị trấn P, huyện Krông Pắc, sau khi C và P đã thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Quang L và P1.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Hồ Văn T1 đã nhận lại tài sản là mô tô biển số 47M1- 065.38, xe không bị hư hỏng nên anh T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan anh Phan Quang T2 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.500.000đ cho anh T2 nên HĐXX không đề cập đến để giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả 01 xe mô tô biển số 47M1- 065.38 cho chủ sở hữu là anh Hồ Văn T1.

+ Tịch thu, bán sung công quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động Nokia, màn hình trắng đen, bàn phím số, màu xanh đen, có số Imei 359002099586557.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình lục giác, kích thước 6cm x 9cm, một đầu mài dẹp dài 07cm.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh, màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại (C không nhớ số thuê bao) của Nguyễn Hữu C dùng nhắn tin liên lạc với Phạm P để bàn bạc việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, do không có tiền tiêu sài C đã bán điện thoại trên và không nhớ bán cho ai, ở đâu, còn sim điện thoại thì C đã vứt đi và không nhớ vứt ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu hồng, màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại (P không nhớ số thuê bao) của Phạm P dùng nhắn tin liên lạc với Nguyễn Hữu C để bàn bạc việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định P đã bán chiếc điện thoại trên cho người qua đường ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Không rõ nhân thân lai lịch) còn sim điện

thoại thì P đã vứt đi và không nhớ vứt ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với sim điện thoại (T không nhớ số thuê bao) của Lê Ngọc T. Quá trình điều tra xác định T sử dụng sim này để liên lạc với Nguyễn Hữu C, Ngô Quang H và Phan Quang T2 để trao đổi về việc mua bán tài sản trộm cắp là xe mô tô biển số 47M1- 065.38. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng T đã làm thất lạc mất sim. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

[6] Xét thấy việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đối với các bị cáo là hoàn T2 đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức đề xuất hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát. Riêng đối với xử lý vật chứng về việc đề nghị truy thu số tiền 2.500.000đ, bị cáo P 1.000.000đ, bị cáo C 1.000.000đ, bị cáo T 500.000đ là số tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp là xe mô tô biển số 47M1-065.38 mà có. HĐXX xét thấy: Trong quá trình điều tra cũng như xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Quang T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 2.500.000đ và đây cũng không phải số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, vì vậy HĐXX không chấp nhận quan điểm của VKS.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Phạm P, Nguyễn Hữu C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Lê Ngọc T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm P** 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/6/2021.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu C** 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/6/2021.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc T** 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lê Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong

thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Ngọc T.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Hồ Văn T1 đã nhận lại tài sản là mô tô biển số 47M1- 065.38, xe không bị hư hỏng nên anh T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan anh Phan Quang T2 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.500.00đ cho anh T2 nên HĐXX không đề cập đến để giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả 01 xe mô tô biển số 47M1- 065.38 cho chủ sở hữu là anh Hồ Văn T1.

+ Tịch thu, bán sung công quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động Nokia, màn hình trắng đen, bàn phím số, màu xanh đen, có số Imei 359002099586557.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình lục giác, kích thước 6cm x 9cm, một đầu mài dẹp dài 07cm.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh, màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại (C không nhớ số thuê bao) của Nguyễn Hữu C dùng nhắn tin liên lạc với Phạm P để bàn bạc việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, do không có tiền tiêu sài C đã bán điện thoại trên và không nhớ bán cho ai, ở đâu, còn sim điện thoại thì C đã vứt đi và không nhớ vứt ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu hồng, màn hình cảm ứng và 01 sim điện thoại (P không nhớ số thuê bao) của Phạm P dùng nhắn tin liên lạc với Nguyễn Hữu C để bàn bạc việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định P đã bán chiếc điện thoại trên cho người qua đường ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Không rõ nhân thân lai lịch) còn sim điện thoại thì P đã vứt đi và không nhớ vứt ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với sim điện thoại (T không nhớ số thuê bao) của Lê Ngọc T. Quá trình điều tra xác định T sử dụng sim này để liên lạc với Nguyễn Hữu C, Ngô Quang H và Phan Quang T2 để trao đổi về việc mua bán tài sản trộm cắp là xe mô tô biển số 47M1- 065.38. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng T đã làm thất lạc mất sim. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2021).

[4]. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm P, Nguyễn Hữu C và Lê Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lữ Đình Tính